

# NGƯỜI VÀ CHỮ NGHĨA CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG TƯ TƯỞNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TRẦN NHƯ (\*)

Ở Paris, London, New York, Chicago – dinh lũy của chủ nghĩa tư bản – Nguyễn Ái Quốc nhận ra một sự thật ở đâu cũng chỉ có hai loại người, một loại bóc lột và một loại bị bóc lột. Những gì người ta tôn vinh tự do – bình đẳng – bác ái – quyền con người chỉ là những từ ngữ... suông, vô hồn và trống rỗng. Giới cần lao, dù là da vàng, da nâu, da đen và cả hàng triệu người da trắng ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản, đều bị phân biệt đối xử bất công, bị bóc lột và khinh rẻ.

Trong suốt 30 năm tìm kiếm không mệt mỏi ấy, Người đã đồng thời tiếp nhận nhiều giá trị văn minh về dân chủ, nhà nước pháp quyền, pháp luật trong những tác phẩm lớn của những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp thời Phục Hưng như Voltairer, Montesquieu, Rousso – các triết gia kinh tế Anh như Adam Smith và David Ricardo – các triết gia hàng đầu Đức như Kant, Hegel... cùng với hàng loạt tư tưởng dân chủ, nhân quyền của cuộc cách mạng Mỹ, Công xã Paris của giai cấp vô sản Pháp (1781), của cuộc cách mạng dân chủ tư sản Pháp, lật đổ chế độ phong kiến cực quyền, thành lập chế độ cộng hoà (1789). Đối chiếu với thực tế diễn ra tại đất nước mình và các nước cũng là thuộc địa như Việt Nam ở khắp các châu lục và ngay trong lòng tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất thế giới, thì những thứ gọi là tự do – bình đẳng – bác ái – quyền con người ấy chỉ giành cho tầng lớp trên, những kẻ “ăn trên ngồi trốc” mà thôi. Đó chỉ là thủ đoạn chính trị đối trá, chỉ nhằm che đậy những hành động tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa, thậm chí với cả “đồng bào da trắng” của họ, lớp người cần lao dưới đáy. Ở



Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc vạch mặt thực dân Pháp “Hơn 80 năm thống trị, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”.

Nguyễn Ái Quốc, trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước ấy, đã có cơ hội đến với những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Marx-Lenin, thông qua cuộc Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (7-11-1907) do Lenin lãnh đạo và đặc biệt qua tác phẩm Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lenin và phép biện chứng của Karl Marx trong những tác phẩm kinh điển nổi tiếng về triết học và kinh tế của Người và bạn chiến đấu

(\*) TS triết học, nguyên Trưởng ban Triết, Viện Nghiên cứu phát triển

Friedrich Engels. Đó là ánh sáng soi đường cứu nước, cứu dân - như Người khẳng định.

Thực tiễn của cuộc sống, tinh hoa văn hoá dân tộc ta, kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại, trở thành tinh hoa văn hoá thời đại hội tụ trong Người; cộng với trí thức bách khoa, trí tuệ phi phạm, sâu sắc về con người và khát vọng cháy bỏng đánh đổ áp bức bất công, cứu con người nước mình và triệu triệu người trên thế giới cùng chung cảnh ngộ khổi khổ đau, kết hợp với những giá trị cao cả của chủ nghĩa Marx - Lenin, là tiền đề để Người xây dựng học thuyết cách mạng, chiến lược, chiến thuật và phương pháp tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cần lao và tất cả những người bị áp bức, bóc lột, do những người con ưu tú nhất tập hợp trong Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo, một cuộc cách mạng theo tinh thần "chúng ta đã hy sinh làm cách mạng thì làm cho đến nơi... nghĩa là làm sao cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người, thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc - chứ không phải nửa vời như cuộc cách mạng ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và cuộc cách mạng tư sản dân quyền Pháp.

Với một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về tất cả những nội dung cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự kết hợp trí thức uyên bác với việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Marx - Lenin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại... hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dẫn đường cho đất nước và dân tộc giành thắng lợi cuối cùng.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta dưới ngọn cờ Hồ Chí Minh là những trang sử bằng vàng, tiếp nối truyền thống hào hùng của một dân tộc có nền văn hiến nghìn năm. Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, giành chính quyền từ tay phát xít - quân phiệt Nhật Bản, là điển hình của nghệ thuật chớp thời cơ, khi kẻ thù đã bị phe đồng minh đánh gục về cơ bản, không còn cả tinh thần lẫn sức chiến đấu. Việc đuổi hàng chục vạn thổ phỉ Tưởng Giới Thạch ra khỏi miền Bắc, tạm thời

phải chấp nhận cho Pháp vào miền Bắc, là chiến lược loại bớt kẻ thù một cách khôn khéo, chỉ còn phải đối mặt với kẻ thù duy nhất. Chiến thuật hoà đàm với thực dân Pháp mạnh hơn mình nhiều lần (tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Lạt, Fontainebleau), phía ta không hề ảo tưởng về bất cứ nhượng bộ nào về thiện chí của bọn thực dân tham lam, chỉ mưu đồ cướp nước ta một lần nữa với sự giúp sức về kinh tế và đồng lõa về chính trị của thực dân cũ Anh và đặc biệt của thực dân mới Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, là sách lược tranh thủ thời gian rất sáng tạo và hiệu quả, như thực tiễn minh chứng. Sự thật là, kể từ khi trở về quê hương, trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc sau 30 năm bôn ba khắp thế giới (5/6/1911 - 28/1/1941), cho đến khi mở chiến dịch biên giới năm 1950, phá thế bao vây của kẻ thù, cuộc chiến đấu của dân tộc ta do Người lãnh đạo đã vượt qua những khó khăn to lớn, chồng chất, tưởng không thể vượt nổi và viết nên những trang thần kỳ mới. Đó là thập niên kỳ lạ và kỳ diệu của cách mạng Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo: Bắt đầu cơ nghiệp ở Pắc Bó (Cao Bằng) với hai bàn tay trắng đúng nghĩa (không quân đội - dù là đội quân du kích - không vũ khí, ngoài giáo mác, gậy gộc...) - là "ốc đảo" giữa sa mạc, hòn đảo trôi giữa biển khơi, xung quanh là kẻ thù thực dân và bè lũ phản động, không có hậu phương (cả trong và ngoài nước). Chỉ dựa vào sức mạnh Việt Nam và trí tuệ, tài thao lược Hồ Chí Minh, chỉ 4 năm sau, tháng 8-1945, từ Pắc Bó, nhân dân ta làm nên kỳ tích: giành độc lập trong cả nước chỉ trong vòng 10 ngày (tính từ ngày 19-8 giải phóng Hà Nội) chủ yếu bằng tinh thần cách mạng sục sôi của quần chúng nhân dân được tổ chức trong Mặt trận Việt Minh. Trong những ngày tháng cực kỳ sôi động, vô cùng thiếu thốn, gian khổ ấy, tầm nhìn của Người trong việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22-12-1944), là "đội quân đàn anh" sẽ nhanh chóng có "những đội quân đàn em trùng trùng lớp lớp nối tiếp ra đời và trưởng thành", là một sự thật, một sáng tạo cực kỳ vĩ đại, đã được thực tiễn minh chứng hùng hồn. Chiến thuật vừa đánh vừa đàm, vừa loại đối thủ (quân Tưởng) là chưa từng có trong lịch sử chiến tranh trên thế giới, giữa hai lực lượng đối mặt nhau một còn một mất. Kẻ thù, thực dân xâm lược Pháp, biết rõ điều đó, không hề tỏ ra một chút thiện chí nào,

nhưng không thể không đàm, nghĩa là buộc chúng phải đàm, dù phía ta không ai ảo tưởng về một sự nhượng bộ mang tính nguyên tắc nào từ bọn thực dân này. Vừa đánh vừa đàm còn được triển khai ở giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau chiến thắng Điện Biên Phủ và 15 năm sau, đàm phán với thực dân mới Mỹ, khi cuộc chiến tranh đặc biệt của thực dân mới này đang leo thang lên đỉnh (1968) trước khi buộc phải xuống thang. Ở bất cứ hoàn cảnh nào, phía ta luôn nắm thế chủ động. Cái gì phải đến đã đến. Đó là kháng chiến toàn quốc từ ngày 19-12-1946, sau khi mọi cố gắng của ta đều bị kẻ thù bội ước, nhưng ta đã có một năm chuẩn bị những thứ cần thiết cho cuộc kháng chiến lâu dài. Điều này thể hiện rõ nhất qua 60 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, giữ từng tấc đất trong lòng Hà Nội, nơi kẻ thù muốn và huênh hoang một cách tự đắc: tiêu diệt quân Việt Minh trong vòng... một tuần lễ, lâu hơn là 10 ngày, do tương quan lực lượng quá chênh lệch! Người cùng Chính phủ trở lại căn cứ cũ nơi rừng núi, thành lập Thủ đô kháng chiến, với tất cả bộ máy và phương tiện của một Chính phủ nghiêm chỉnh, cho dù mọi thứ đều khiêm tốn. Thủ đô gió ngàn nằm trong vòng bao vây trùng điệp bốn phía, nhiều lớp của kẻ thù. Đội quân viễn chinh nhà nghề của thực dân Pháp hai lần mở các cuộc tấn công quy mô vào đầu não của chính phủ kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc. Và cả hai lần chúng thất bại thảm hại. Quân dân ta với sức mình, với chính sách tự lực tự cường, vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, chuyển từ chiến lược phòng ngự sang cầm cự, khi quân đã đông, sức đã mạnh, nuôi lực lượng lớn mạnh cho những nhiệm vụ tiếp theo quan trọng và có ý nghĩa chiến lược lớn hơn. Chúng ta buộc phải đơn thương độc mã đối mặt với kẻ thù chính. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, sẵn sàng đứng về phe đồng minh, nhưng những cái đầu thực dân cũ cũng như mới, dù nhân danh phe đồng minh, đã cố tâm và cố tình khước từ thiện chí của Hồ Chí Minh vì những mưu đồ thực dân sâu xa và hiểm độc tiếp theo của chúng. Các nước dân chủ mới ra đời sau Đại chiến thế giới thứ hai (1939-1945) cùng với Liên Xô, hình thành cộng đồng xã hội chủ nghĩa, thế mà chưa nước nào công nhận về mặt ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa! Điều này có nghĩa gì? Có nghĩa là cuộc chiến đấu của

nhân dân Việt Nam, từ ngày thành lập, tháng 9 năm 1945, cho đến mùa xuân năm 1950 không hề nhận được, dù là một viên đạn, một kí lô bánh mì của các nước mà theo lý tưởng là đồng minh chiến lược. Quân dân ta buộc phải tìm kiếm các nguồn vũ khí để tiến hành cuộc kháng chiến ác liệt với kẻ thù được trang bị mạnh hơn mình nhiều lần. Ngoài một số vũ khí của công binh xưởng Trần Đại Nghĩa còn rất khiêm tốn, chúng ta buộc phải tìm nguồn cung cấp từ trong các kho vũ khí của... chính thực dân Pháp. Phong trào cướp vũ khí địch đánh địch được triển khai và thành công trong cả nước trong nhiều năm liền. Trong khi đó chính những lực lượng vũ trang của ta đã giúp đỡ cách mạng Trung Quốc giải phóng vùng đất rộng lớn Thập vạn đại sơn thuộc quyền cai trị của Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Sau khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa ra đời (1-10-1949), Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước láng giềng nay là bạn của Việt Nam và từ nước Trung Hoa dân chủ nhân dân, Người sang thăm Liên Xô. Sau hai chuyến đi này, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa Á - Âu lần lượt công nhận về mặt ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cách mạng Việt Nam đã có những đồng minh chiến lược tin cậy.

Năm 1950, sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa đã ra đời, nối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu qua Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ, hình thành một cộng đồng theo định hướng xã hội chủ nghĩa rộng lớn trên hai châu lục Á - Âu. Vào thời gian ấy quân ta cũng đã mạnh, có thể đánh công kiên các căn cứ kiên cố của Pháp, Người quyết định mở chiến dịch biên giới, trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo chiến dịch, quét sạch hai binh đoàn quân tinh nhuệ Pháp án ngữ trên toàn tuyến quốc lộ 4 sát vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, do hai viên đại tá sừng sỏ có "thâm niên chiến trường" là Charton và Lepage chỉ huy - cả hai đều bị quân ta bắt sống tại trận. Một vùng biên giới dài hơn 1.400 km được giải phóng, mở toang cửa nước ta với thế giới bên ngoài, trước hết là với các nước cùng chí hướng là Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân châu Á (Mông Cổ và Triều Tiên), Đông Âu, tập hợp chung quanh Liên Xô, và nối với cộng đồng thế giới yêu chuộng hoà bình và công lý, chống chiến tranh thực dân trên khắp thế giới.

Nước Việt Nam kháng chiến lần đầu tiên có hậu phương lớn bên ngoài lãnh thổ. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bắt đầu nhận được những ủng hộ vật chất của các nước anh em, do vậy sức mạnh quân sự ngày càng tăng, các đơn vị lớn cấp trung đoàn, lữ đoàn và thậm chí cấp đại đoàn, lần lượt ra đời, được trang bị vũ khí, khí tài ngày càng tốt, hiện đại hơn, báo trước giông bão ập lên đầu quân thực dân xâm lược.

Có thể khẳng định, thập niên 40 thế kỷ XX (1941-1950) là thập niên hiểm nghèo nhất, gian khổ nhất, khó khăn và phức tạp nhất của cách mạng Việt Nam, nhưng cũng là thập niên kỳ diệu nhất, trọng đại nhất, giai đoạn đóng vai trò quyết định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng. Vượt qua giai đoạn ấy, dân tộc ta biết chắc chắn sẽ đánh bại cả quân đội lẫn ý chí xâm lược của thực dân Pháp, giành thắng lợi cuối cùng cho nước Việt Nam thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo dân tộc viết nên trang sử chói ngời, thêm một mốc son chói lọi của lịch sử bốn nghìn năm văn hiến của dân tộc.

Sau thắng lợi to lớn của chiến dịch biên giới, lực lượng của quân dân ta lớn mạnh gấp bội về lượng cũng như về chất. Chúng ta đã vượt qua giai đoạn cầm cự, chuẩn bị giai đoạn cuối cùng: tổng phản công. Phối hợp với chiến trường trong cả nước và hai nước bạn Lào và Campuchia, quân ta tập trung vào chiến trường chính là Bắc bộ. Năm 1951, quân ta mở chiến dịch Hà Nam Ninh, năm 1952 mở chiến dịch Hoà Bình, năm 1953 mở chiến dịch Tây Bắc, chủ động tấn công địch trên tất cả các mặt trận. Cuộc đối đầu mang tính quyết định tại Điện Biên Phủ là quyết tâm chiến lược của Người, nhằm "tiến về giải phóng Hà Nội mà không phải đánh giặc tại Hà Nội". Thực dân Pháp hiểu rất rõ trận quyết chiến chiến lược quyết định số phận của chúng sau hơn 8 năm tái xâm lược Việt Nam. Nước Pháp đã buộc phải ngửa tay xin viện trợ tối đa của Mỹ, trong đó toàn bộ ngân sách chiến tranh cho Đông Dương là do Mỹ cung cấp 100%. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được xây dựng bằng tiền Mỹ, cố vấn Mỹ, trang bị vũ khí hiện đại Mỹ. Thậm chí, Richard Nixon, (đương thời là phó tổng thống dưới triều Eisenhower, từ 1969 là tổng thống Mỹ, từng chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh sau khi cuộc chiến tranh đặc biệt

của Mỹ thất bại ở Nam Việt Nam, năm 1973 bị xua đuổi khỏi Nhà Trắng vì hành động vô sỉ là nghe trộm điện thoại của đối thủ Đảng Dân chủ), từng nhảy dù xuống tập đoàn cứ điểm này, thị sát quân Pháp bày binh bố trận, kích động bọn lính đánh thuê quyết tiêu diệt Việt Minh đến người cuối cùng nếu họ chấp nhận cuộc đối đầu tại thung lũng Điện Biên! Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ kháng chiến hiểu rất rõ thực trạng chiến trường: xa hậu phương hàng trăm cây số - việc vận chuyển quân đội, vũ khí hạng nặng và một lượng lương thực - thực phẩm rất lớn, phục vụ mặt trận trong thời gian có thể kéo dài nhiều tháng... trên những tuyến giao thông vừa đơn sơ vừa hiểm trở, đồi núi trập trùng, đèo nối đèo, dốc nối dốc, lại luôn luôn bị không quân của chúng đánh phá ác liệt suốt ngày đêm. Bất chấp tất cả mọi khó khăn, trở ngại, Người quyết định chấp nhận cuộc đối đầu mang tính lịch sử này, bởi vì đánh bại thực dân Pháp tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có ý nghĩa chiến lược là bước ngoặt của chiến tranh, và quân ta sẽ chiếm Hà Nội mà không cần đánh vào Hà Nội. Về phía đối phương, chúng cũng biết rằng, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - dù cách Hà Nội 600 cây số - là trận địa phòng thủ Hà Nội, khi chúng cho rằng quân ta sẽ đánh Hà Nội. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ còn, là đảm bảo Việt Minh không thể tấn công Hà Nội vào thời gian ấy. Chúng tin chắc quân ta không đủ lực lượng, vũ khí và những điều kiện vật chất cần thiết tối thiểu để có thể giành thắng lợi trong cuộc đổ sức này. Về phía ta, Hồ Chủ tịch từng chỉ thị cho Đại tướng tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam, kiêm tư lệnh mặt trận Trần Đình (bí danh chiến dịch Điện Biên Phủ) quyết tâm đánh và phải đánh thắng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, không chắc thắng, không đánh. Phương châm ấy cho thấy tính chất quan trọng có ý nghĩa to lớn biết chừng nào của trận quyết chiến chiến lược này đối với sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân ta. đã bước sang năm thứ chín. Lịch sử chứng kiến người học trò xuất sắc, trung thành và tài ba của Người đã phải huy động hết trí thức, trí tuệ và hiểu biết thực tiễn như thế nào để bảo đảm chiến thắng cuối cùng trong trận quyết chiến chiến lược này. Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, trong hồi ký Những năm tháng không thể nào quên của mình, đã viết rằng, quyết định chuyển từ phương

châm đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài, đánh chắc, tiến chắc và để bảo đảm thắng lợi, Đại tướng đã buộc phải quyết định cho quân sĩ kéo pháo ra để bố trí lực lượng phù hợp phương châm tác chiến mới, theo Ông là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của Ông cho đến lúc bấy giờ.

Dự báo thiên tài của Người trở thành hiện thực: Chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ có 5 tháng, ngày 10-10-1954, quân ta tiến về tiếp quản thủ đô Hà Nội mà không phải tốn một viên đạn! Chiến thắng Điện Biên Phủ là quả đấm chiến lược dẫn đến sự kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài 9 năm của chủ nghĩa tư bản – thực dân cũ Pháp tại Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung. Với việc kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh từng bị thực dân Pháp và tay sai đô hộ suốt 80 năm, bị áp bức bóc lột tận xương tủy, bị chìm trong tăm tối, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới cận – hiện đại, đánh bại đội quân nhà nghề hùng mạnh cùng với ý chí xâm lược của chúng; đóng góp to lớn cho cách mạng thế giới, mở ra thời đại tan rã của chủ nghĩa thực dân – thuộc địa trên phạm vi toàn thế giới. Theo gương Việt Nam, hàng loạt cuộc chiến đấu của hàng chục nước bị chủ nghĩa thực dân cũ chiếm làm thuộc địa nổ ra khắp nơi và lần lượt giành được độc lập tự do. Đến năm 1975 – năm nhân dân Việt Nam đập tan ý chí xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ - trên thế giới chỉ còn một vài vùng đất với khoảng 70 triệu dân, còn nằm dưới ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân so với 84% lãnh thổ trên các châu lục và hàng tỷ người là thuộc địa và nô lệ của “một đùm nước thực dân Tây Âu” sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, tức sau năm 1945.

Vai trò to lớn của chủ nghĩa tư bản Hợp chủng quốc trong Đại chiến thế giới thứ hai 1939-1945 với mục tiêu và trong thực tế mục tiêu đó đã trở thành hiện thực sau khi tất cả các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu (và Nhật Bản) bị tàn phá tan hoang, Hoa Kỳ trở thành nhà nước tư bản chủ nghĩa hùng mạnh số một thế giới, đứng đầu và quyết định phương hướng phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu nói riêng, phương Tây nói chung, đặt ra cho các lực lượng dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam những thách thức mới, chắc chắn là nhiều khó khăn, gian khổ, bởi chủ nghĩa thực dân mới hiển

hiển nham hiểm hơn chủ nghĩa thực dân cũ. Biết trước xu thế ấy, ngay trong những ngày chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thực hiện hai bước đi mang tính chiến lược: *Một là*, tổ chức lực lượng đủ sức và nhất thiết phải giành chính quyền từ tay phát xít – quân phiệt Nhật Bản trước khi quân đồng minh chắc chắn sẽ vào Việt Nam. *Hai là*, gửi thư cho tổng thống Mỹ, Franklin Delano Roosevelt, tuyên bố lực lượng yêu nước Việt Nam đánh đổ phát xít – quân phiệt Nhật Bản, giành độc lập cho đất nước và thật sự trở thành một quốc gia độc lập, sẵn sàng đứng vào phe đồng minh. Franklin Roosevelt đã nhận được bức thư này, nhưng cho đến khi chết một cách đột ngột (12-4-1945), ông ta không trả lời, là do có chủ đích hằn hoi. Về vấn đề Hồ Chí Minh và đề xuất này cùng với tuyên bố sẵn sàng thiết lập các mối quan hệ với Hoa Kỳ, nguyên tổng thống Bill Clinton (cũng của Đảng Dân chủ như Franklin Roosevelt) đã xác nhận với các nhà lãnh đạo Việt Nam và nói rằng, chính mình (tức Bill Clinton) đã làm việc đó năm 1995 (thiết lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, sau 20 năm cấm vận và bao vây kinh tế Việt Nam hết sức ngặt nghèo, kể từ sau ngày 30-4-1975), tức là trễ hơn 50 năm!

**Vì sao Hoa Kỳ từ chối thiện chí của Việt Nam?** Với tư duy của chủ nghĩa thực dân mới, Roosevelt không hề muốn thấy một nước Việt Nam mới do người chiến sĩ cộng sản lỗi lạc Hồ Chí Minh lãnh đạo, ra đời ở Đông Nam Á, bởi vì ông ta và giới chính khách thực dân mới cầm quyền ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đương thời cho rằng, một khi Việt Nam độc lập theo chế độ dân chủ mới, sẽ tạo hiệu ứng domino trong toàn vùng! Như vậy sẽ cản trở chiến lược toàn cầu nhằm làm bá chủ, bá quyền thế giới của Mỹ. Vì vậy, phải bằng mọi cách ngăn chặn một nước Việt Nam độc lập ra đời. Chính Mỹ đã có tiếng nói quyết định trong việc phái nhiều vạn quân thổ phỉ Tưởng Giới Thạch (cũng nhân danh là thành viên đồng minh chống phát xít) vào miền Bắc Việt Nam tức khí giới của quân phiệt Nhật Bản; phái hàng vạn quân Anh vào miền Nam Việt Nam với nhiệm vụ tương tự. Sự thật là chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ công khai chính sách sen đầm của họ, mượn tay bọn thổ phỉ Tưởng Giới Thạch dùng bọn Việt gian mặt hạng Việt quốc, Việt

cách lật đổ chính phủ Hồ Chí Minh, thành lập chính quyền tay sai của Quốc dân đảng Tàu Tưởng thân Mỹ và do Mỹ kiểm soát. Ở miền Nam, thực dân cũ Anh trợ lực tối đa thực dân Pháp trước hết là chiếm lại Nam Bộ, tiến tới chiếm toàn miền Nam, chia cắt vĩnh viễn Việt Nam (mà chúng rắp tâm thực hiện mưu đồ ác độc này một lần nữa sau năm 1954, khi Việt Nam tạm bị chia cắt thành hai miền theo các điều khoản của Hiệp nghị Geneva và chính Mỹ từ chối ký tên dưới văn bản mang tính pháp lý quốc tế này, khi họ là một thành viên tham gia đàm phán từ đầu chí cuối) - như thoả thuận giữa viên tướng sừng sỏ của chủ nghĩa thực dân Pháp là Charles De Gaulle với Harry Truman (nguyên phó tổng thống, được đôn lên tổng thống Mỹ sau khi Roosevelt chết đột ngột). Kịch bản của Mỹ được các đồng lõa là thực dân cũ Anh, thổ phỉ Tưởng Giới Thạch và thực dân cũ Pháp chấp hành một cách nhất quán, gây ra cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vô vàn khó khăn. Nhưng cuối cùng tất cả những mưu ma chước quỷ của bè lũ thực dân cũ và mới vô cùng nham hiểm và độc ác ấy, đều lần lượt bị nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam vô hiệu hoá, dù phải chịu nhiều hy sinh, mất mát suốt hơn 30 năm, đến ngày 30-4-1975 thu giang sơn về một mối.

Việc can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân mới Mỹ, đặc biệt là khi tương quan lực lượng giữa quân ta và quân Pháp nghiêng dần về phía chính nghĩa, là sự thật nghiệt ngã, nhưng là tất yếu theo “logic thực dân”. Như vậy là sau khi từ chối hợp tác với Việt Nam theo đề nghị qua thư của Lãnh tụ Hồ Chí Minh gửi từ căn cứ địa Pắc Bó; năm 1952, thực dân mới Mỹ đã can thiệp “có chiều sâu” vào cuộc chiến tranh phi nghĩa của đồng lõa thực dân Pháp. 60% Ngân sách chiến tranh năm 1952 của Pháp ở Đông Dương là do Mỹ cung cấp. Năm 1953-1954 tỷ lệ này là 100%. Có nghĩa là trong thực tế, từ năm 1953, thực dân Pháp trở thành đội quân lê dương đánh thuê cho các ông chủ thực dân mới Mỹ ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn thấu tâm can bọn thực dân mới Mỹ, cảnh báo với các cộng sự về “cuộc đối đầu không tránh khỏi” với kẻ thù mới, mạnh hơn, nham hiểm và dữ dằn hơn kẻ thù cũ là thực dân Pháp. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, Người nói với Đại tướng Võ Nguyên

Giáp đại ý: thắng lợi Điện Biên Phủ là to lớn, nhưng mới chỉ là thắng lợi ban đầu, chúng ta còn phải đánh Mỹ! Quyết định ngang nhiên từ chối ký tên dưới bản Hiệp nghị Geneva về lập lại hoà bình, long trọng công nhận chủ quyền và sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, bộc lộ trần trụi mưu đồ thực dân của lũ tội phạm chiến tranh mới. Với quyết định ngang ngược ấy, thực dân mới Mỹ ngang nhiên chà đạp tất cả những tiêu chuẩn tối thiểu của công pháp quốc tế, mưu đồ dùng bọng tay sai Việt gian, lũ tội đồ mat hạng Ngô Đình Diệm, hồng mở rộng lãnh thổ Hoa Kỳ đến tận vĩ tuyến 17, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, trở thành căn cứ quân sự, làm bàn đạp thực hiện mưu đồ Bắc tiến, lấp sông Bến Hải, xoá bỏ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cách mạng miền Nam bị đàn áp khốc liệt, bị đìm trong bể máu qua cái gọi là Luật 10/59 khét tiếng man rợ, nhưng kẻ thù không bao giờ có thể khuất phục tinh thần chiến đấu ngoan cường của các chiến sĩ cách mạng, của đại đa số nhân dân ta từng giành chính quyền từ tay phát xít Nhật bằng gây tầm vông và vũ khí thô sơ, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, từng đánh bại đội quân viễn chinh hùng mạnh cùng với ý chí xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp trong cuộc kháng chiến chín năm ròng, một dân tộc long trọng thể không bao giờ chịu sống quỳ trước bất cứ thế lực nào, dù chúng hùng mạnh và hung hãn đến mấy. Việc Ngô Đình Diệm bị chủ Mỹ dùng tay sai khác trừ khử, báo trước giông bão, sấm vang chớp giạt trên bầu trời miền Nam nhằm vào những thế lực đen tối đã và đang giành quyền làm tay sai cho thực dân mới Mỹ. Bộ mặt hiếu chiến của bọn thực dân mới Mỹ bộc lộ sau khi nhân dân miền Nam đánh bại cuộc chiến tranh đặc biệt của bè lũ tay sai của Mỹ. Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, thực dân Mỹ không còn nguy trang dưới lớp mặt nạ hào nhoáng, bịp bợm là những người bảo vệ những giá trị tự do – dân chủ cho cả thế giới, lập tức quyết định ào ào đổ hàng đàn hàng lũ quân xâm lược rết nòi Mỹ cùng với hàng vạn lính đánh thuê của các nước tay sai, hồng cứu vãn bọn tướng đầu bò tay sai mat hạng của chúng khỏi thất bại hoàn toàn vào năm 1964. Thực dân Mỹ đồng thời dùng thủ đoạn dối trá, nguy tạo lý do, tàu phóng ngư lôi Bắc Việt Nam tấn công tàu Madox Mỹ trên hải phận quốc tế, phá

hàng đàn hàng lũ máy bay hiện đại của không quân, trong đó có siêu pháo đài bay B52 chuyên trải thảm và của hải quân, đánh phá ác liệt miền Bắc Việt Nam. Như vậy là, thực dân Mỹ coi như công khai tuyên chiến với toàn thể nhân dân Việt Nam, nhưng lại rất hèn hạ, không dám công nhận sự thật. Nhân dân Việt Nam chấp nhận cuộc đổ sức ác liệt này dù không cần sức, nhưng tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của cả dân tộc, từng được thử lửa trong những cuộc chiến đấu trường kỳ, hết sức ngoan cường, hết thế hệ này sang thế hệ khác, chống lại những kẻ thù hùng mạnh và cực kỳ man rợ, trong suốt chiều dài lịch sử đất nước, vì danh dự, vì sự sống còn của Tổ quốc và dân tộc.

Một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh công khai chất vấn Lindon Johnson trước dư luận thế giới, được truyền đi khắp năm châu: ai là kẻ xâm lược, Việt Nam có đem quân sang xâm lược Hoa Kỳ? Vậy cơ sao Hoa Kỳ mang quân sang xâm lược Việt Nam? Một lần nữa, tổng thống Hợp chủng quốc dùng chiêu ngậm miệng, im lặng, không thể trả lời chất vấn danh thép của Người. Người thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam ở hai miền Nam Bắc, trình trọng tuyên bố công khai với nhân dân trong nước và với toàn thế giới, chấp nhận cuộc đối đầu lịch sử này với lòng tin không có gì có thể lay chuyển: thắng lợi cuối cùng, bất chấp muôn vàn khó khăn, bất chấp những hy sinh chắc chắn là rất to lớn không tránh khỏi cho đất nước và nhân dân Việt Nam, khi phải đối mặt với bọn hung nô thế kỷ. Còn nhớ, vào thời ấy – những năm 1965-1966, khi quân Mỹ và tay sai tham chiến ở Nam Việt Nam lên hơn nửa triệu tên, cùng với chúng là hơn nửa triệu nguy quân, khi hàng đàn hàng lũ máy bay hiện đại nhất của không lực Mỹ ném bom huỷ diệt trên khắp miền Bắc, và từng bị trừng trị đích đáng với hơn 4.000 máy bay các loại bị bắn hạ, hàng trăm phi công cấp thiếu tá trở lên bị bắt làm tù binh – dư luận thế giới, các lực lượng dân chủ, yêu hoà bình cũng như chính khách nhiều chính phủ, nhà nước trên thế giới không có quân tham chiến bên cạnh Mỹ ở Nam Việt Nam, trong đó có cả các chính phủ các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, rất lo lắng cho ta rằng, với lực lượng quân sự và kinh tế hùng mạnh như siêu cường Hoa Kỳ thì làm thế nào Việt Nam chống đỡ nổi! Những lo lắng của bè bạn, hàng trăm triệu người có thiện chí với

cuộc chiến đấu của nhân dân ta là một thực tế. Chúng ta hiểu và thông cảm với những lo lắng ấy. Nhưng, còn một thực tế nữa chúng ta cũng đồng thời công khai nói với thế giới: Nhân dân Việt Nam quyết tâm đem hết sức mình, sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả tính mạng của mình trong cuộc chiến đấu một mất một còn này và khẳng định chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về nhân dân Việt Nam, nước Việt Nam sẽ thống nhất, bọn xâm lược sẽ bị đuổi đến tận cuối cùng khỏi đất nước này.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi ngày 16-7-1966 của Người, tham gia cuộc chiến đấu bằng sức lực, khả năng và vị trí của mình. Là nhà quân sự thiên tài, Người đã từng cùng với các cộng sự chuẩn bị cho cuộc đối mặt này ngay từ sau khi Hiệp nghị Geneva được ký kết ngày 20-7-1954. Những chuẩn bị ấy phát huy hiệu quả rất to lớn trong suốt 21 năm đối đầu với bọn can thiệp và xâm lược Mỹ ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại từ trên không và từ biển của không quân và hải quân Mỹ từ ngày 5-8-1965 đến ngày 28-12-1972, ngày kết thúc chiến dịch rải bom trải thảm Hà Nội của B52 suốt 12 ngày đêm – mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo trước một cách chính xác - với 81 máy bay hiện đại, trong đó 34 pháo đài bay B52 bị bắn hạ, hàng chục giặc lái bị bắt làm tù binh.

Các lực lượng tham gia chiến đấu chống Mỹ ở hai miền Nam Bắc thể hiện sự sáng tạo tuyệt vời của chiến tranh nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ có ở chiến trường Việt Nam thời đánh bọn thực dân xâm lược da trắng: Đó là những đơn vị bộ đội đặc biệt tinh nhuệ (đặc công) xuất quỷ nhập thần, gây cho kẻ thù những thất bại to lớn về người, về vũ khí, máy bay, tàu chiến... ở bất kỳ nơi nào chúng có mặt, ở bất cứ căn cứ quân sự nào, dù được bảo vệ cực kỳ nghiêm ngặt – như phủ toàn quyền Mỹ giữa Sài Gòn (toà đại sứ) cũng không thoát khỏi đòn trừng phạt đích đáng. Đó là Đường mòn Hồ Chí Minh suốt chiều dài và chiều ngang dãy Trường Sơn với nhiều ngàn cây số, trở thành huyền thoại có một không hai trên thế giới, đóng góp phần mang tính quyết định vào chiến thắng cuối cùng ngày 30-4-1975. Đó là đoàn tàu không số trên đường Hồ Chí Minh trên biển vận chuyển vũ khí, lương thực chi viện cho chiến trường miền Nam trong giai đoạn gian khổ nhất, là sáng tạo từ cổ chí

kim, từ Đông sang Tây chưa hề xuất hiện, chỉ có ở Việt Nam thời đánh Mỹ. Đó là những đội quân côn trùng (ong bò vẽ) cũng chỉ có ở Việt Nam thời chống xâm lược là thực dân châu Âu. Đó là đội quân tóc dài đông hàng triệu người, từng là lực lượng hùng hậu trói tay chân bọn bảo an dân vệ và cả bọn lính chính quy, cả lính Mỹ và chư hầu trong các cuộc đấu tranh muôn hình muôn vẻ, đặc biệt là trong việc phá chính sách gom dân lập ấp chiến lược, cuộc đấu tranh trong các đô thị, phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, qua đó chặn bàn tay tội ác của kẻ thù. Đó là chính sách mang chiến tranh vào giường ngủ của đối phương, qua đó tạo phong trào phản chiến chưa từng có trong lịch sử các cuộc thập tự chinh của thực dân mới Mỹ (cũng như thực dân cũ Pháp trong cuộc kháng chiến 9 năm). Đó là sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Chưa bao giờ trên thế giới có phong trào ủng hộ sâu, rộng với hàng trăm triệu người tham gia dưới rất nhiều hình thức như thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu sống còn với thực dân mới Mỹ... Sự ủng hộ đặc biệt của Liên Xô, Trung Quốc và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em, là một trong những yếu tố quan trọng giúp nhân dân ta làm nên kỳ tích trong thế kỷ XX đầy sôi động.

Vị tổng tư lệnh, nhà quân sự lỗi lạc, nhân tướng Hồ Chí Minh là người tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh thần thánh của nhân dân Việt Nam chống thế lực tàn bạo, bọn hung nô thế kỷ là bọn thực dân Mỹ xâm lược. Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam đánh bại ý chí xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới hùng mạnh nhất thế giới đương thời. Với thất bại mang tầm chiến lược ở Việt Nam - cũng là thất bại đầu tiên trong lịch sử các cuộc thập tự chinh của chủ nghĩa tư bản - thực dân mới Hợp chủng quốc Hoa Kỳ - nước Mỹ rơi vào cuộc khủng hoảng hết sức nghiêm trọng, từng bước nhưng chắc chắn, mất vai trò siêu cường thực thi chính sách cực quyền đơn phương trên phạm vi thế giới và cả trong nội bộ chủ nghĩa tư bản thế giới. Từ

ngày định mệnh 30-4-1975 ấy, nước Mỹ đã qua điểm đỉnh của sự phát triển sức mạnh chính trị - quân sự - kinh tế, bước vào quá trình đi xuống không sức nào cản nổi. Cuộc xâm lược và cướp đoạt Afghanistan và đặc biệt là ở Iraq bất thành, khẳng định tham vọng thực dân vẫn rất lớn, nhưng những mục tiêu cháy bỏng ngày càng trở nên xa vời. Trong bối cảnh ấy, cuộc khủng hoảng tiền tệ - tài chính cuối năm 2007, đã đánh đòn chí tử vào uy danh còn lại của nước Mỹ, đã chính thức gióng tiếng chuông thông báo với toàn thế giới: nước Mỹ không còn tiềm lực "một mình giải quyết các vấn đề thế giới" nữa, như họ vẫn ngang ngửa!

Tiếp nối chiến thắng lịch sử đánh bại cả đội quân hùng mạnh lần ý chí xâm lược của đế quốc Nguyên Mông của nhà Trần thế kỷ XIII, cứu nhân loại thoát khỏi vó ngựa của đội quân thiện chiến từng chiếm gần hết cả châu Á và châu Âu, Nhân tướng Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân tộc làm nên hai chiến thắng lịch sử mang tầm vóc thế giới: Đánh bại đội quân hùng mạnh và ý chí xâm lược của thực dân Pháp, đóng góp quan trọng vào sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân - thuộc địa trên phạm vi thế giới; đánh gục đội quân triệu tên cùng với ý chí xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, lập kỳ tích chưa từng có trong lịch sử chiến tranh cận - hiện đại, qua đó đóng góp xứng đáng vào quá trình đi xuống không sức nào cản nổi của siêu cường từng buộc cả thế giới rầm rập chịu sự sai bảo của họ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo cho dân tộc Việt Nam một thời đại mới: Thời đại Hồ Chí Minh, qua đó nâng đất nước ta, dân tộc ta lên tầm cao của thời đại.

Tiếp tục phát huy những tư tưởng và thành tựu đã đạt được, giữ vững đất nước và dân tộc ngang tầm thời đại và tiếp tục phát triển lên tầm cao mới là nhiệm vụ của toàn dân tộc, trước hết là của hệ thống chính trị chịu trách nhiệm với dân tộc và đất nước, của các thế hệ nối tiếp không đứt đoạn.

